

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 202/2023/HNGĐ - ST
Ngày 31 - 8 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Quốc Trung**

Ông **Đỗ Thanh Tú**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị Mỹ T** – sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Phan rô B** – sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lâm Thị Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 124/2012, ngày 04/12/2012. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Phan Dy Th, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2013 và Phan Ngọc Huỳnh Nh, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2019, hiện nay do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và cháu Nh, việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Lâm Thị Mỹ T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị Lâm Thị Mỹ T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phan Rô B đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lâm Thị Mỹ T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phan Rô B. Khi khởi kiện anh B cư trú tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Lâm Thị Mỹ T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phan Rô B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị T và anh B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 124/2012, ngày 04/12/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của chị T về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh B, chị T yêu cầu được ly hôn với anh B. Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Xét thấy, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị T và anh B mâu thuẫn trầm trọng, đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh B có hai con chung là Phan Dy Th, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2013 và Phan Ngọc Huỳnh Nh, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2019. Hiện nay, các con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và cháu Nh. Hội đồng xét xử xét thấy, anh B không có ý kiến gì về yêu cầu của chị T và hiện tại cháu Th và cháu Nh đang được chị T nuôi dưỡng. Đồng thời, tại biên bản làm việc của Tòa án cháu Th có nguyện vọng sống với chị T. Mặt khác, để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu Nh và cháu Nh cũng còn rất nhỏ nên cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T được nuôi con chung là cháu Th phù hợp với nguyện vọng của cháu và cháu Nh là chính đáng nên được chấp nhận. Giao cháu Phan Dy Th, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2013 và cháu Phan Ngọc Huỳnh Nh, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2019 cho chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Lâm Thị Mỹ T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Lâm Thị Mỹ T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này chị Tú và anh B có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì chị Tú và anh B đều được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Lâm Thị Mỹ T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lâm Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Mỹ T đối với anh Phan Rô B. Xử cho chị Lâm Thị Mỹ T được ly hôn với anh Phan Rô B.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Dy Th, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2013 và cháu Phan Ngọc Huỳnh Nh, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2019 cho chị Lâm Thị Mỹ T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Lâm Thị Mỹ T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Phan Rô B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lâm Thị Mỹ T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị Lâm Thị Mỹ T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị Mỹ T phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009246 ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị Lâm Thị Mỹ T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm